

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25- 6-2021

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và bà Hoàng Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp - Kiểm Sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20- 5-2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị M, sinh năm: 1982 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn A, xã W, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Anh N, sinh năm 1978 – *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn A, xã W, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị M trình bày: Chị M với anh N sống chung với nhau từ năm 1999 là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, đến ngày 13-8-2002 thì mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Đăk Lăk (nay là tỉnh Đăk Nông). Trong thời gian chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, anh N thường xuyên đánh đập chị rất nhiều lần, chị M với anh N đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, chị M cảm thấy tình cảm

vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với N.

Về con chung: Chị M và anh N sinh được có 02 người con chung là D, sinh ngày 04-10-2000 và cháu H, sinh ngày 24-7-2002 hiện hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự. Do đó chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện ngày 21-12-2020 chị M có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa chị với anh N đối với thửa đất số 64, tờ sản đồ số 34, diện tích 10.180m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 130974 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/5/2009 tọa lạc tại thôn A, xã W, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và tài sản gắn liền trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4 và 600 cây cà phê. Chị M nhận thấy số tài sản này thì để chị với anh N tự giải quyết với nhau. Do đó nay chị M tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án đình chỉ phần yêu cầu đã rút.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án anh N trình bày: Anh N với chị M sống chung với nhau từ năm 1999 là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, đến ngày 13-8-2002 thì mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông). Trong thời gian chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, anh N có vài lần đánh đập chị M, anh N với chị M đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, không còn sống chung với nhau nữa. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với thì anh N không đồng ý ly hôn với chị M. Do đó anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ lại với nhau để cùng nhau nuôi con cái cho tốt. Nếu chị M cương quyết ly hôn thì anh N đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Về con chung: Anh N và chị M sinh được có 02 người con chung là D, sinh ngày 04-10-2000 và cháu H, sinh ngày 24-7-2002 hiện hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự. Do đó anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: anh N không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh N quá trình giải quyết vụ án là chấp hành đúng quy định, tuy nhiên tại các phiên tòa thì anh N đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị M và anh N sống chung với nhau từ năm 1999 là hoàn toàn tự nguyện, đến ngày 13-8-2002 thì mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông). Trong thời gian chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, anh N thừa nhận có đánh đập chị M vài lần, chị M với anh N đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, kết quả xác minh tại địa phương thì chị M và anh N có mâu thuẫn xô xát và đã sống ly thân. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị M và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng; về con chung: sinh được có 02 người con chung là D, sinh ngày 04-10-2000 và cháu H, sinh ngày 24-7-2002 hiện hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên chị M và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện ngày 21-12-2020 chị M có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa chị với anh N đối với thửa đất số 64, tờ sán đồ số 34, diện tích 10.180m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 130974 do UBND huyện Đ cấp ngày 18-5-2009 tọa lạc tại thôn A, xã W, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và tài sản gắn liền trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4 và 600 cây cà phê. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị M đã tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án đình chỉ phần yêu cầu đã rút; nợ chung, nợ riêng không có.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M và anh N. Về quan hệ hôn nhân: chị M được ly hôn với anh N; về tài sản chung: đề nghị HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung mà chị M đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn là anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; nguyên đơn chị M có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị M. Nguyên đơn là chị M và bị đơn là anh N có địa chỉ thường trú tại thôn A, xã W, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị M và anh N sống chung với nhau từ năm 1999 là hoàn toàn tự nguyện, đến ngày 13-8-2002 thì mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông) là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng không có

sự tôn trọng nhau, anh N thừa nhận có đánh đập chị M vài lần, chị M với anh N đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, kết quả xác minh tại địa phương ngày 04-5-2021 thì chị M và anh N có mâu thuẫn xô xát và đã sống ly thân. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị M và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Chị M và anh N sinh được có 02 người con chung là D, sinh ngày 04-10-2000 và cháu H, sinh ngày 24-7-2002 hiện hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự. Do đó không đề cập giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung*: Theo đơn khởi kiện ngày 21-12-2020 chị M có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa chị với anh N đối với thửa đất số 64, tờ sản đồ số 34, diện tích 10.180m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 130974 do UBND huyện Đ cấp ngày 18-5-2009 tọa lạc tại thôn A, xã W, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và tài sản gắn liền trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4 và 600 cây cà phê. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị M đã tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung và anh N không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của chị M là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị M đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung đã rút. Anh N không yêu cầu chia tài sản chung nên không đề cập.

[6]. *Về các khoản nợ chung, nợ riêng*: Chị M và anh N đều xác định không có.

[7]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8]. *Về án phí*: Chị M phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ-H14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M đối với anh N

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị M được ly hôn với anh N

1.2. Về tài sản chung: Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của chị M đối với yêu cầu về chia tài sản chung.

1.3. Về các khoản nợ chung, nợ riêng: chị M với anh N đều xác định không có.

2. Về án phí: Chị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004609 ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Tài